TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ- ST
Ngày 04/8/2022
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Nguyễn Sỹ Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 04/8/1999, sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2013, nguyên nhân do chị đi xuất khẩu lao động tại Li Băng từ năm 2011 đến năm 2021. Trong khoảng thời gian chị đi xuất khẩu lao động thì anh T ở nhà có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị biết và khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ đó giữa anh chị thường bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình và không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2017, chị về nước chơi, anh chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh T tiếp tục gây sự và đánh chị nên chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Đến năm 2021 chị về nước hẳn, khi về nước thì chị không về chung sống cùng anh T nữa mà chị về thẳng nhà đẻ ở, anh chị ly thân nhau từ đó đến nay. Bản thân chị đã dàn xếp nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ khi chị về nhà đẻ ở thì anh T không lên gọi chị về đoàn tụ, gia đình hai bên cũng không dàn xếp gì cho anh chị về đoàn tụ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày 05/8/2000 và Hoàng Ngọc G, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, cháu N đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị V không còn yêu cầu nào khác.

* Tại biên bản lấy lời khai, anh Hoàng Văn T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Nguyễn Thị V kết hôn từ ngày 06/8/1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn cô V về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2011 anh cho chị V đi xuất khẩu lao động tại Li Băng. Thời gian đầu khi cô Việt mới đi xuất khẩu lao động vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng sau do vợ chồng xa cách nên có phát sinh mâu thuẫn.

Đến năm 2017 cô V về nước, có về chung sống với anh được 01 ngày sau đó cô V bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô V sinh sống, rồi cô V lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động. Năm 2017, thời gian cô V về Việt Nam, khi cô V bỏ về bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh đã vào gọi cô V nhiều lần về chung sống cùng anh nhưng cô V không về. Thời gian ngắn sau cô V đã đi nước ngoài tiếp.

Năm 2021, cô V ở nước ngoài về nước sinh sống nhưng cũng không về nhà sinh sống cùng anh mà cô V về thẳng nhà bố mẹ đẻ cô V sinh sống.

Thực tế từ năm 2017 đến nay anh không liên hệ với cô V, anh chị sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau. Nay cô V xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V không còn, anh đồng ý ly hôn với chị V, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 2000 và Hoàng Ngọc G, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, cháu N đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không còn yêu cầu nào khác.

- Ngày 13/6/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị V có đơn xin ly hôn với anh Hoàng Văn T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Dũng vào ngày 04/8/1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị V là do chị đi xuất khẩu lao động tại Li Băng từ năm 2011 đến năm 2021. Trong khoảng thời gian chị đi xuất khẩu lao động thì anh T ở nhà có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị biết và khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Theo phía anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2011 anh cho chị V đi xuất khẩu lao động tại Li Băng. Thời gian đầu khi cô V mới đi xuất khẩu lao động vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng sau do vợ chồng xa cách nên có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2017 cô V về nước, có về chung sống với anh được 01 ngày sau đó cô V bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô V sinh sống, rồi cô V lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động. Năm 2017, thời gian cô V về Việt Nam, khi cô V bỏ về bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh đã vào gọi cô V nhiều lần về chung sống cùng anh nhưng cô V không về. Thời gian ngắn sau cô V đã đi nước ngoài tiếp. Năm 2021, cô V ở nước ngoài về nước sinh sống nhưng cũng không về nhà sinh sống cùng anh mà cô V về thẳng nhà bố mẹ đẻ cô V sinh sống.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Văn T – trưởng thôn T cho biết: Chị V và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V

đi xuất khẩu lao động, anh T ở nhà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay chị V xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị V và anh T có hai con chung là Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày 05/8/2000 và Hoàng Ngọc G, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị V và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009544 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh